

Bản án số: 173/2021/HS-PT
Ngày 17-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13 và 17 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T và các bị cáo khác do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân thị xã T, tỉnh Bình Dương và kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1975 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoài V và bà Nguyễn Thị N; có vợ là bà Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án: ngày 08/7/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng 07 ngày tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự số 29/HS-ST (chưa chấp hành bản án về phần án phí); tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Minh D, sinh năm 1988 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện D, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: nhà trọ H, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; có vợ là bà Trần Thị Cẩm V và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020

được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị Ph; có vợ là bà Trần Thị C và 02 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 04/7/2020 bị Công an phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 136/QĐ-XPHC; nhân thân: ngày 16/3/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự số 25/2015/HS-ST; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Võ Hoài H, sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp N, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: nhà trọ N, khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn R và bà Dương Thị N; có vợ là bà Nguyễn Thị Lệ T và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Bùi Ngọc L (tên gọi khác là S), sinh năm 1982 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: nhà trọ L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Võ Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Võ Đại D, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: tổ 3, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: tổ 3, khu phố C, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Anh T và bà Lê Thị Kim A; có vợ là bà Hoàng Bích H; tiền án: không; tiền sự: ngày 06/3/2020 bị Công an phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPHC; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 2/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Lâm L, sinh năm 1985 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: nhà trọ A, khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm H

và bà Nguyễn Thị C; có vợ là bà Nguyễn Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Lâm Thanh H, sinh năm 1988 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: A, khu phố 7, phường Uthị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm L và bà Lý Thị H; có vợ là bà Trà Thị K; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Ngô T (tên gọi khác là N), sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Công ty TNHH T, khu phố C, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Ngô Thị Tuyết M; có vợ là bà Nguyễn Thị U và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Phạm Huy A, sinh năm 1982 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: số nhà D, khu phố E, phường Bình H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Huy N và bà Tiêu Thị H; có vợ là bà Bùi Thị Mộng T và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn L, Võ Hoài H, Bùi Ngọc L, Võ Đại D, Lâm, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Phạm Huy A cùng làm công nhân tại Công ty TNHH T, thuộc khu phố 8, phường, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/11/2020, sau khi tan ca nghỉ trưa, T đi ra quán nước (không tên) của bà Trần Thị Kim G bên cạnh Công ty TNHH T để uống nước. Tại đây, T gặp khoảng 03 người công nhân (không rõ tên) cùng làm chung công ty với T, trong quá trình uống nước tại quán những người này rủ T cùng chơi đánh bạc với hình thức lắc bầu cua thắng thua bằng tiền thì T đồng ý. Sau đó, T đi bộ đến một tiệm tạp hóa mua một bộ bầu cua rồi đi ra khu vực phía sau quán nước của bà G (không thuộc phạm vi quản lý của quán) vị trí dưới gốc cây trứng cá trong bãi đất trống sát bờ tường Công ty T, thuộc khu phố 8,

phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương và cách quán nước bà G khoảng 20m. Tại đây, T là người trực tiếp làm cái chơi lắc bầu cua thắng thua bằng tiền với 03 người công nhân (không rõ tên), mỗi ván đặt cược số tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Sau đó lần lượt Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn L, Võ Hoài H, Bùi Ngọc L, Võ Đại D, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Phạm Huy A tan ca ra quán nước của bà G uống nước nhìn thấy T và 03 công nhân đang chơi bầu cua nên đi đến tham gia chơi cùng. Nguyễn Văn T là khách đến quán nước của bà G uống nước thấy có đông người đang tham gia chơi lắc bầu cua ở bãi đất trống nên cũng vào tham gia chơi.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, lực lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn L, Võ Hoài H, Bùi Ngọc L, Võ Đại D, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Phạm Huy A, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng và 01 bộ bầu cua đã qua sử dụng. Ngoài ra, Công an thị xã T còn thu giữ:

- Số tiền 1.200.000 đồng do Lâm L giao nộp;
- Số tiền 1.200.000 đồng do Nguyễn Văn T giao nộp;
- Số tiền 3.200.000 đồng do Nguyễn Minh D giao nộp;
- Số tiền 300.000 đồng do Nguyễn Xuân T giao nộp;
- Số tiền 2.200.000 đồng do Võ Hoài H giao nộp.

Quá trình điều tra các bị cáo khai như sau:

Nguyễn Xuân T khai: tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn L, Võ Hoài H, Bùi Ngọc L, Võ Đại D, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Phạm Huy A và một số người không rõ nhân thân, T làm cái. T mang theo 1.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T thua 1.000.000 đồng, còn lại 300.000 đồng bị thu giữ trên người.

Nguyễn Văn Thương khai: mang theo 1.200.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt Thương không thắng, không thua, bị thu giữ trên người 1.200.000 đồng.

Nguyễn Minh D khai: mang theo số tiền 2.700.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt D thắng được 2.000.000, khi bị bắt quả tang D ném vào chiếu bạc số tiền 1.500.000 đồng và bị thu giữ trên người 3.200.000 đồng.

Nguyễn Văn L khai: mang theo 1.760.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt L thua hết số tiền mang theo.

Võ Hoài H khai: mang theo 1.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt H thắng được 900.000 đồng, bị thu giữ trên người 2.200.000 đồng.

Bùi Ngọc L khai: mang theo 500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt L thua hết số tiền mang theo.

Võ Đại D khai: mang theo số tiền 300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt D thua hết số tiền mang theo.

Lâm L khai: mang theo 1.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt L thua 100.000 đồng, bị thu giữ trên người 1.200.000 đồng.

Lâm Thanh H khai: mang theo 450.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt H thua hết số tiền mang theo.

Nguyễn Ngô T khai: mang theo 250.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt T thắng được 20.000 đồng và ném toàn bộ 270.000 đồng vào chiếu bạc.

Phạm Huy Á khai: mang theo 200.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt Á không thắng, không thua và ném 200.000 đồng vào chiếu bạc.

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của các bị cáo về số tiền bị tạm giữ dùng vào mục đích đánh bạc khi bị bắt quả tang vào ngày 23/11/2020, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.900.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D, Nguyễn Minh D, Nguyễn Ngô T, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Bùi Ngọc L, Lâm L và Lâm Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Lộc 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Đại D 08 (tám) tháng tù. Thời

hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Hoài H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Ngọc L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thanh H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngô T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Huy A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 13/5/2021 các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy A, Lâm L, Lâm Thanh H, Võ Đại D, Nguyễn Ngô T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 10/5/2021, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 01/QĐ-VKSTU kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về hình phạt, theo hướng chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tiền đối với các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy A, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Quyết định số 01/QĐ-VKSTU ngày 10/5/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc kháng nghị phần hình phạt đối với các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T trong hạn luật định; kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D, Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T còn trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm xác định, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt, chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tiền và xử phạt các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Đối với kháng cáo bị cáo Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn L, Võ Đại D các bị cáo có tiền án, tiền sự, có vai trò rủ rờ tích cực nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của các bị cáo, hình phạt của tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Tại phần tranh luận và trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố

tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, có đủ cơ sở kết luận: ngày 23/11/2020, tại khu vực đất trống thuộc khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn L, Võ Hoài H, Bùi Ngọc L, Võ Đại D, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Phạm Huy Á cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bầu cua thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.900.000 đồng. Các bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của các bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T về phần hình phạt của các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự) và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là nghiêm khắc, chưa phù hợp. Với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục. Do vậy, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T là có căn cứ chấp nhận; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D, Hội đồng xét xử nhận thấy: các bị cáo đều có tiền án, tiền sự, nhân thân xấu về hành vi đánh bạc, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Kháng cáo của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm: các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T không phải nộp; các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L và Võ Đại D.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKSTU ngày 10/5/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D, Nguyễn Minh D, Nguyễn Ngô T, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Bùi Ngọc L, Lâm L và Lâm Thanh H phạm tội “Đánh bạc”.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Đại D 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Hoài 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm L 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Ngọc L 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thanh H 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Ngô T 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Huy Á 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Bùi Ngọc L, Nguyễn Minh D, Võ Hoài H, Phạm Huy Á, Lâm L, Lâm Thanh H, Nguyễn Ngô T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn L, Võ Đại D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã T (02);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (10);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (10);
- Tổ Hành chính tư pháp (02);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, LTH, 33.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang